International Collaborating Centre for Aquaculture and Fisheries Sustainability (ICAFIS) | Vietnam Fisheries Society (VINAFIS)
Email: infor@icafis.vn Website: http://icafis.vn

HIỆN TRẠNG ÁP DỤNG CHỨNG NHẬN TRONG NUÔI TRỒNG THỦY SẢN TẠI VIỆT NAM

Đinh Xuân Lập, Tưởng Phi Lai, Phạm Minh Luân

Trung tâm Hợp tác Quốc tế Nuôi trồng và Khai thác thủy sản bền vững (ICAFIS)

TÓM TẮT

Ngành Thuỷ sản Việt Nam đóng một vai trò quan trọng trong sự phát triển kinh tế đất nước. Quy mô của Ngành Thuỷ sản ngày càng mở rộng và vai trò của Ngành Thuỷ sản cũng tăng lên không ngừng trong nền kinh tế quốc dân. Thời kỳ 1985-2008, ngành Thủy sản tăng trưởng liên tục với tốc độ trung bình từ 6-10%/năm. Tốc độ tăng trưởng bình quân của sản lượng thủy sản đạt 6,17%/năm. Năm 2011, nuôi trồng thủy sản đạt 3 triệu tấn, khai thác thủy sản đạt trên 2,2 triệu tấn (Tổng sản lượng thủy sản đạt trên 5,2 triệu tấn).

Tuy nhiên ngành Thủy sản Việt Nam đang phải đối mặt với hàng chục tiêu chuẩn kỹ thuật khác nhau từ các tổ chức phi chính phủ và các tổ chức quốc tế khác. Với nhiều tổ chức chứng nhận các tiêu chuẩn về chất lượng và giá trị sản phẩm, trong khi mỗi tiêu chuẩn chỉ có phạm vi công nhận trong một vài quốc gia, điều này đang trở thành gánh nặng cho ngành Thủy sản Việt Nam, nhất là trong bối cảnh đầu ra bấp bênh như hiện nay.

Nghiên cứu được thực hiện trong bối cảnh Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã ký Quyết định số 1503 /QĐ-BNN-TCTS ngày 5/7/2011 về việc ban hành Quy phạm thực hành nuôi trồng thủy sản tốt tại Việt Nam (VietGAP) và đang được khuyến khích áp dụng (sau này có thể sẽ tiến tới bắt buộc). Nghiên cứu cung cấp một cái nhìn tổng quan về "Hiện trạng áp dụng chứng nhận trong nuôi trồng thủy sản tại Việt Nam". Qua đó để xuất các giải pháp quản lý tránh tình trạng lỏng lẻo, không thống nhất như hiện nay.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Ngành Thuỷ sản Việt Nam đóng một vai trò quan trọng trong sự phát triển kinh tế đất nước. Quy mô của Ngành Thuỷ sản ngày càng mở rộng và vai trò của Ngành Thuỷ sản cũng tăng lên không ngừng trong nền kinh tế quốc dân.Từ một nghề thủ công, lạc hậu, công cụ sản xuất thô sơ, một số lĩnh vực như chế biến, xuất khẩu, dịch vụ hậu cần chủ yếu do Nhà nước đảm nhận, Thủy sản đã trở thành một ngành sản xuất hàng hóa với nhiều thành phần kinh tế tham gia. Đã phát huy được lợi thế của điều kiện tự nhiên, đổi mới chính sách kinh tế, thị trường phù hợp đã đưa ngành Thủy sản tăng trưởng với tốc độ nhanh, liên tục và khá ổn định.

Thời kỳ 1985-2008, ngành Thủy sản tăng trưởng liên tục với tốc độ trung bình từ 6-10%/năm. Tốc độ tăng trưởng bình quân của sản lượng thủy sản đạt 6,17%/năm. Nếu năm 1985,

sản lượng thủy sản đạt 1,161 triệu tấn đã tăng lên trên 4,6 triệu tấn (tăng gần 4 lần) ở năm 2008. Trong đó, khai thác hải sản tăng 2,35 lần, tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 3,79%/năm; nuôi trồng thủy sản tăng lên gần 8,82 lần, tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 9,99%/năm. Năm 2011, nuôi trồng thủy sản đạt 3 triệu tấn, khai thác thủy sản đạt trên 2,2 triệu tấn (Tổng sản lượng thủy sản đạt trên 5,2 triệu tấn).

Sản lượng nuôi tôm và cá tra 10 năm vừa qua (nghìn tấn)

Năm	2003	2004	2005	2006	2007	2008	2009	2010	2011	2012
Tôm	237,9	281,8	327,2	354,5	384,5	388,4	419,4	450,3	482,20	482,20
Cá Tra		255	376	520	850	1.250	1.006	1.410	1.196	1.226

Nguồn: Tài liệu tham khảo [13], [14],[15],[16]

Các mặt hàng xuất khẩu thủy sản chủ lực vẫn là Cá Tra (1,8 tỷ USD) và Tôm (2,39 tỷ USD), chiếm gần 70% kim ngạch xuất khẩu thủy sản cả nước năm 2011 (6,11 tỷ USD). Thị trường xuất khẩu thủy sản của Việt Nam đa dạng và liên tục mở rộng tới trên 164 quốc gia và vùng lãnh thổ.

Sản lượng sản phẩm nuôi trồng thủy sản Việt Nam so với các nước trong khu vực, năm 2009

ĐVT: (tấn)

1	**China**	45,279,173	**6**	**Thailand**	1,396,020
2	**Indonesia**	4,712,847	**7**	**Korea**	1,331,719
3	**India**	3,791,922	**8**	**Japan**	1,243,336
4	**Viet Nam**	2,589,800	**9**	**Bangladesh**	1,064,285
5	**Philippines**	2,477,392	**10**	**Myanmar**	778,246

Nguồn: Như Văn Cần, Tổng cục thủy sản

Tuy nhiên, song song với những kết quả đạt được, ngành Thủy sản Việt Nam cũng đang phải đương đầu với không ít những khó khăn về cạnh tranh từ thị trường quốc tế, những rào cản kỹ thuật về vệ sinh an toàn thực phẩm, hàng loạt tiêu chuẩn mới liên tục được đưa ra đối với các mặt hàng xuất khẩu thủy sản của Việt Nam (Global GAP, ASC, BAP/ACC...), những thách thức

từ nội tại của hệ thống quản lý nhà nước về thủy sản,..... Trong bối cảnh đó, ngành Thủy sản cần phải có những đánh giá đúng đắn về hiện trạng của quản lý nhà nước về chứng nhận cơ sở và vùng nuôi trồng thủy sản, nhận định và phân tích xu hướng phát triển của các tiêu chuẩn, chứng nhận trong thủy sản qua đó tìm ra những giải pháp phát triển cho ngành thủy sản nói chung, xây dựng và hoàn thiện các hệ thống thống chứng nhận riêng cho ngành thủy sản.

II. CÁC VĂN BẢN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ THỦY SẢN ĐỐI VỚI CHỨNG NHẬN NUÔI TRỒNG THỦY SẢN ĐẢM BẢO VỆ SINH AN TOÀN THỰC PHẨM VÀ NTTS BỀN VỮNG

Các văn bản của hệ thống quản lý Nhà nước về Thủy sản hiện nay đang được phân tầng dưới dạng:

- Các chính sách lớn về phát triển thủy sản hiện nay như Luật Thủy sản (2003), Pháp lệnh giống vật nuôi (2004), Pháp lệnh thú y (2004), Các Quyết định, Nghị định, Chỉ thị của Thủ Tướng ban hành đều tập trung chỉ đạo theo nguyên tắc: *Nuôi trồng thủy sản phải phát triển trên nguyên tắc an toàn sinh thái và bền vững (1); Không gây mâu thuẫn xã hội trong việc sử dụng các nguồn tài nguyên khác nhau, cũng như sử dụng cùng một loại tài nguyên cho các mục đích kinh tế khác nhau trên nguyên tắc sử dụng và quản lý tổng hợp (2); Nhà nước hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình phát triển NTTS theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa (3).*[1]

- Các văn bản cấp Bộ được phân cấp và ban hành theo lĩnh vực, phạm vi và từng loại hình sản xuất kinh doanh cụ thể. Đối với hoạt động chứng nhận cơ sở, vùng nuôi trồng thủy sản hiện nay, các văn bản hiện hành đang được áp dụng như:

- Thông tư số 45/2010/TT-BNN và Thông tư số 44/2010/TT-BNNPTNT ngày 22/7/2010 về việc quy định điều kiện nuôi tôm sú, tôm chân trắng, cá tra đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm;

- Thông tư số 63/2010/TT-BNNPTNT ngày 1/11/2010 Hướng dẫn việc quy định Giấy chứng nhận lưu hành tự do đối với sản phẩm, hàng hóa xuất khẩu và nhập khẩu thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

- Thông tư số 199/2010/TT-BTC ngày 13 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý sử dụng phí, lệ phí quản lý chất lượng, an toàn vệ sinh và thú y thuỷ sản;

- Thông tư số 06/2010/TT-BNNPTNT ngày 02/02/2010 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định trình tự, thủ tục kiểm dịch thủy sản, sản phẩm thủy sản;

- Thông tư 41/2010/TT-BNNPTNT ngày 5/7/2010 Qui định việc kiểm tra, chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh thú y cơ sở sản xuất, kinh doanh thủy sản;

- Thông tư 66/2011/TT-BNNPTNT ngày 10/10/2011 hướng dẫn một số điều của NĐ số 08/NĐ-CP ngày 05/02/2010 của CP về quản lý thức ăn chăn nuôi

- Quyết định số 24/2007/QĐ - BKHCN ngày 28 tháng 9 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định về chứng nhận hợp chuẩn, chứng nhận hợp quy và công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy;

- Thông tư số 14/2011/TT-BNNPTNT ngày 29/3/2011 Quy định việc kiểm tra, đánh giá cơ sở sản xuất kinh doanh vật tư nông nghiệp và sản phẩm nông lâm thủy sản;

- Thông tư số 16/2011/TT-BNNPTNT quy định đánh giá, chỉ định và quản lý phòng thử nghiệm ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn;

- Thông tư số 53/2011/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn v/v Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 14/2011/TT-BNNPTNT ngày 29/3/2011 quy định việc kiểm tra, đánh giá cơ sở sản xuất kinh doanh vật tư nông nghiệp và sản phẩm nông lâm thủy sản;

- Quyết định số 04/2002/QĐ-BTS ngày 24/01/2002 của Bộ trưởng Bộ Thủy sản nay là Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc Ban hành Quy chế quản lý môi trường vùng nuôi tôm tập trung;

- Quyết định số 06/2006/QĐ-BTS ngày 10 tháng 4 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Thuỷ sản v/v Ban hành Quy chế Quản lý vùng và cơ sở nuôi tôm an toàn.

- Quyết định số 456/QĐ-BNN-NTTS ngày 04 tháng 02 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc Ban hành một số quy định về điều kiện sản xuất giống, nuôi tôm chân trắng;

- Quyết định số 03/2007/QĐ-BTS ngày 03 tháng 4 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Thuỷ sản v/v ban hành Quy chế Đăng ký lưu hành thuốc thú y thuỷ sản; sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường nuôi trồng thuỷ sản;

- Quyết định số 56/2008/QĐ-BNN ngày 29 tháng 4 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn v/v ban hành Quy chế kiểm tra, chứng nhận nuôi trồng thủy sản theo hướng bền vững;

- Quyết định số 70/2008/QĐ-BNN về việc ban hành Quy chế quản lý vùng và cơ sở nuôi cá tra;

- Quyết định số 85/2008/QĐ-BNN ngày 06 tháng 8 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Quy chế quản lý sản xuất, kinh doanh giống thủy sản;

- Quyết định số 110/2008/QĐ-BNN ngày 12 tháng 11 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn v/v ban hành Danh mục đối tượng kiểm dịch thủy sản, sản phẩm thủy sản;

- Quyết định số 117/2008/QĐ-BNN ban hành ngày 11/12/2008 của Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn v/v Ban hành Quy chế kiểm tra và công nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thủy sản đủ điều kiện đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm;

- Quyết định số 1427/QĐ-BNN-TCCB ngày 20 tháng 5 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc Phân công thực hiện nhiệm vụ thú y thuỷ sản cho Cục Thú y, Cục Nuôi trồng thuỷ sản và Cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thuỷ sản;

- Quyết định số 3408/QĐ-BNN-QLCL ngày 20 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn v/v ban hành Quyết định phân công tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát chất lượng vật tư nông nghiệp và an toàn thực phẩm nông lâm thuỷ sản thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

- Quyết định số 1503/QĐ-BNN-TCTS ngày 05 tháng 7 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn v/v ban hành Quy phạm Thực hành Nuôi trồng thuỷ sản tốt tại Việt Nam (VietGAP)

- Quyết định số 1617/QĐ-BNN-TCTS ngày 18/7/2011về "Ban hành hướng dẫn áp dụng VietGAP đối với nuôi thương phẩm cá tra (P.*hypophthalmus*), tôm sú (P.*monodon*) và tôm chân trắng (P.*vannamei*)".

+ Thông tư số 48/2012/TT-BNNPTNT: Quy định về chứng nhận sản phẩm thủy sản, trồng trọt, chăn nuôi được sản xuất, sơ chế phù hợp với Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt.

Qua rà soát, phân tích các văn bản nói trên nhóm nghiên cứu nhận thấy, hiện nay hệ thống các văn bản quản lý nhà nước rõ ràng còn thiếu, một số bị yếu và chưa hoàn chỉnh. Nhiều văn bản còn chồng chéo gây khó khăn cho cơ quan quản lý thủy sản địa phương trong quá trình triển khai thực hiện. Ngoài ra, tổ chức bộ máy cơ quan quản lý chuyên ngành thủy sản chưa hoàn thiện từ trung ương xuống địa phương, hơn nữa việc phân cấp, phân quyền cho cơ quan quản lý chuyên ngành tại địa phương chưa rõ ràng và cụ thể. Nguyên nhân chính của tình trạng trên là do 1) Sự phối hợp giữa các cơ quan tham mưu xây dựng văn bản pháp luật chưa thật sự nhịp nhàng (ví dụ thú y và thủy sản) 2) Năng lực, trình độ của cán bộ tham mưu chính sách, văn bản còn một số hạn chế (ví dụ chưa có điều kiện cập nhật tình hình thế giới và cập nhật thực tiễn)

III. CÁC TIÊU CHUẨN PHỔ BIẾN TRONG NUÔI THỦY SẢN Ở VIỆT NAM

3.1 Tình hình áp dụng:

Nhiều ý kiến cho rằng, hiện nay ngành Thủy sản Việt Nam đang phải đối mặt với hàng chục tiêu chuẩn kỹ thuật khác nhau từ các tổ chức phi chính phủ và các tổ chức quốc tế khác. Với nhiều tổ chức chứng nhận các tiêu chuẩn về chất lượng và giá trị sản phẩm, trong khi mỗi tiêu chuẩn chỉ có phạm vi công nhận trong một vài quốc gia, điều này đang trở thành gánh nặng cho ngành

Thủy sản Việt Nam, nhất là trong bối cảnh đầu ra bấp bênh như hiện nay. Vậy câu hỏi đặt ra là tại sao các tiêu chuẩn này lại tồn tại và ngày càng phát triển ở Việt Nam và tại sao các cơ quan quản lý của nước ta chưa có ý kiến gì về việc này?

Thực tế các tiêu chuẩn này tồn tại ở quốc gia nào, ngành hàng nào một phần vì các hệ thống (gồm cả văn bản) quản lý thủy sản (hoặc thực phẩm) của quốc gia đó chưa đủ mạnh; chưa đủ độ tin cậy toàn diện để thuyết phục nhu cầu đa dạng của các thị trường nhập khẩu. Các tiêu chuẩn như HACCP, GlobalGAP, ISO, BAP/ACC trong nhiều năm liền đã làm mưa làm gió trên thị trường thủy sản thế giới và tạo được lòng tin đối với người tiêu dùng và cả cơ quan quản lý của nước nhập khẩu. Nhìn lại quá khứ, trên thế giới có thể thấy, do vấn đề quản lí thiếu chặt chẽ đã dẫn đến sự ra đời của các tiêu chuẩn độc lập trong giai đoạn 1995-2000 như: HACCP, SQF, ISO 22000, BRC, IFS. Một vài khủng hoảng về an toàn thực phẩm xuất phát từ vấn đề thức ăn chăn nuôi (dịch bò điên) + điều kiện chuồng trại không đạt yêu cầu (kháng sinh và nhiễm bệnh). Xét về khách quan mà nói, các tiêu chuẩn trên không chỉ có mặt ở Việt Nam mà còn ở nhiều nước trên thế giới và đó là xu thế tất yếu, đáp ứng yêu cầu đa dạng của thị trường vì vậy nếu chính phủ Việt Nam muốn quản lý, kiểm soát các tiêu chuẩn này thì quả thực đây cũng là điều không hề dễ dàng.

Những tiêu chuẩn hiện đang được áp dụng phổ biến tại Việt Nam như Global GAP, BAP, SQF,và gần đây có ASC,VietGAP. Đặc điểm chung của các tiêu chuẩn này đều tập trung vào*(1) đảm bảo chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm, (2) an toàn dịch bệnh, (3) an toàn môi trường, (4) an toàn xã hội và (5) truy xuất được nguồn gốc sản phẩm.*

Bộ tiêu chuẩn Hội đồng Quản lý Nuôi trồng thủy sản (ASC) áp dụng cho Cá Tra, Rôphi, và dự thảo Tiêu chuẩn ASC cho tôm đang được xây dựng Quỹ bảo tồn thiên nhiên quốc tế (WWF) và tổ chức sáng kiến thương mại bền vững Hà Lan (IDH). Đối với cá tra, Tiêu chuẩn ASC bao gồm 115 chỉ số, được giải quyết dựa trên 7 nguyên tắc cơ bản là các nguồn lực tuân thủ hợp pháp, đa dạng sinh học, nước và đất, đa dạng loài, thức ăn và nguồn lực, sức khỏe động vật và trách nhiệm xã hội. Mục tiêu đề ra cho ngành thủy sản Việt Nam là tới 2014 đạt 30% và 2015 đạt 50% diện tích nuôi trồng thủy sản đạt chứng nhận ASC. Tính đến tháng 2/2014 đã có 42 trại nuôi cá tra của 35 Công ty đạt chứng nhận ASC.

Tiêu chuẩn BAP/ACC được ban hành và phát triển từ năm 2002 bởi Liên minh nuôi trồng thủy sản toàn cầu (GAA), và được Hội đồng ACC cấp chứng nhận cho các mặt hàng Tôm, cá rô phi và cá da trơn. GAA thành lập năm 1997, là mộttổ chức phi chính phủ lớn nhất về chứng nhận nuôi thủy sản công nghiệp. ACC được thành lập vào năm 2002 để chứng nhận cho nhà sản xuất thủy sản áp dụng tiêu chuẩn BAP do GAA xây dựng (Gianni, 2006). Từ năm 2003, ACC bắt đầu thực hiện chứng nhận BAP cho tôm, cá rô phi và cá nheo Mỹ ở Ecuador, Bangladesh, Malaysia, Indonesia, Thái Lan, Mexico...Tháng 8/2010, tiêu chuẩn BAP cho cá tra ra đời tạo tiền đề tiêu

chuẩn hóa sản phẩm cá bán vào thị trường Mỹ (www.aquaculturecerti fication.org).Tiêu chuẩn BAP xác định 4 tiêu chí quan trọng là đảm bảo an toàn thực phẩm, đảm bảo trách nhiệm xã hội, bảo vệ môi trường và truy nguyên nguồn gốc.

Kết quả thống kê từ website www.aquaculturecerfication.org của ACC cập tháng 10/2010 cho thấy, hiện tại trên thế giới chứng nhận BAP được cấp cho 128 nhà máy, 132 trại nuôi và 29 trại sản xuất giống thuộc 03 đối tượng thủy sản tôm, cá trơn và cá rô phi tại 17 quốc gia (Lâm Thái Xuyên và Trương Hoàng Minh, 2010).

Tại Việt Nam, tới tháng 12/2011 đã có 22 nhà máy chế biến, 12 trại nuôi, 3 trại giống tôm được chứng nhận BAP

Bộ tiêu chuẩn VietGAP cho tôm (chân trắng và sú) và cá tra được xây dựng dựa trên 4 nguyên tắc chính: chất lượng sản phẩm, an toàn dịch bệnh, vệ sinh an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường và phúc lợi xã hội. Vì vậy VietGAP có thể phù hợp với Bộ quy tắc Ứng xử trong Nuôi trồng thủy sản có trách nhiệm (CoC) của FAO và các tiêu chuẩn quốc tế đang được áp dụng phổ biến hiện nay như GlobalGAP, BAP/AC, ASC. VietGAP được Nhà nước bảo trợ, xây dựng lộ trình phát triển và có thể bắt buộc áp dụng đối với một số trường hợp cụ thể. Dự kiến mục tiêu tới 2015 đạt tối thiểu 30% hộ nuôi đạt chứng nhận VietGAP và tăng lên hơn 80% trong năm 2020.

Mặc dù có nhiều lợi ích thiết thực, song việc thực hiện tiêu chuẩn VietGAP trong nuôi trồng thủy sản cũng gặp không ít khó khăn. Trong đó khó khăn lớn nhất là yêu cầu của thị trường đối với tiêu chuẩn này rất ít, trong khi đó các tiêu chuẩn chứng nhận tự nguyện có uy tín khác như BAP, GlobalGAP, ASC lại đang cạnh tranh gay gắt nên người nuôi thủy sản chưa mạnh dạn áp dụng tiêu chuẩn này. Bên cạnh đó hầu hết các hộ nuôi cá tra, tôm sú và tôm thẻ chân trắng …có quy mô nhỏ lẻ nên việc thực hiện chứng nhận VietGAP tại mỗi hộ nuôi sẽ dẫn đến chi phí rất cao. Hiện nay, tính trên toàn quốc đã có 15 cơ sở được cấp chứng nhận VietGAP.

3.2 Sự giống nhau giữa các tiêu chuẩn phổ biến trong nuôi trồng thủy sản (GlobalGAP, BAP, ASC, VietGAP)

Về nguyên tắc, phần lớn các tiêu chuẩn như GlobalGAP, VietGAP, BAP và ASC đều được xây dựng dựa trên những nguyên tắc cơ bản gần giống nhau và đều tập trung vào việc *đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, đảm bảo trách nhiệm xã hội, bảo vệ môi trường và truy xuất nguồn gốc*.

Các tiêu chuẩn này hiện nay ra đời đều hướng tới những giá trị tích cực giúp phát triển nghề nuôi trồng thủy sản Việt Nam, cụ thể như:

- ✓ Góp phần thúc đẩy sự phát triển sản xuất bền vững.
- ✓ Tạo sản phẩm tiêu dùng an toàn cho xã hội.
- ✓ Góp phần bảo vệ môi trường

- ✓ Thương hiệu uy tín đối với các thị trường nhập khẩu lớn
- ✓ Tạo ra những chuẩn mực cân bằng về công bằng xã hội

Tuy nhiên thực tế hiện nay là chi phí tư vấn và chứng nhận các tiêu chuẩn quốc tế tự nguyện này còn khá cao, thường dao động trong khoảng từ 5000 - 10.000 USD/lần, thậm chí cao hơn. Sản phẩm đạt chứng nhận chỉ đáp ứng cho một thị trường nhập khẩu nhỏ bé (nhóm người tiêu dùng cao cấp). Đối với tiêu chuẩn VietGAP, việc áp dụng hiện nay mới chỉ diễn ra thí điểm tại một số hộ nuôi nhỏ lẻ, Do Vietgap đang trên lộ trình đàm phán để quốc tế công nhận nên việc triển khai còn gặp khó khăn

Ngoài ra, các tiêu chuẩn thường được xây dựng theo yêu cầu của các nhà nhập khẩu (trừ ASC), không hoặc rất ít lấy ý kiến tham vấn người nuôi hay doanh nghiệp chế biến trong nước do vậy các hộ nuôi cá thể và nhỏ lẻ ở Việt Nam rất khó áp dụng.

3.3 Sự khác nhau giữa các tiêu chuẩn phổ biến trong nuôi trồng thủy sản (GlobalGAP, BAP, ASC, VietGAP)

Sự khác biệt chính giữa các tiêu chuẩn phổ biến trong nuôi trồng thủy sản được thể hiện trong bảng phân tích dưới đây:

Nội dung	TIÊU CHUẨN			
	GlobalGAP	**VietGAP**	**BAP/ACC**	**ASC**
Nguyên tắc	Chất lượng sản phẩm, an toàn dịch bệnh, vệ sinh an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường và phúc lợi xã hội	Chất lượng sản phẩm, an toàn dịch bệnh, vệ sinh an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường và phúc lợi xã hội	Đảm bảo an toàn thực phẩm, đảm bảo trách nhiệm xã hội, bảo vệ môi trường và truy nguyên nguồn gốc.	Các nguồn lực tuân thủ hợp pháp, đa dạng sinh học, nước và đất, đa dạng loài, thức ăn và nguồn lực, sức khỏe động vật và trách nhiệm xã hội
Tiêu chí chứng nhận	Chứng nhận xây dựng phù hợp với yêu cầu của tiêu chuẩn ISO/IEC Guide 65 hoặc EN 45011 (nghĩa là tổ chức chứng nhận phải được công nhận) và đáp ứng các quy định riêng của Global GAP (nghĩa là tổ chức chứng nhận phải được Global GAP phê duyệt)	Tuân thủ các quy định và chuẩn mực quốc tế: FAO Technical guideline for aquaculture certification (2011); ISO guide 65 for certification bodies; ISO 9001: 2008 for auditors Công nhận (chỉ định) bên thứ 3 trong hoạt động chứng nhận (accredited) Hệ thống thông tin minh bạch và khả năng truy xuất thông qua mã số VG – VGN, kể cả vi trí địa lý		+ Đáng tin cậy: Các tiêu chuẩn dựa trên số liệu thống kê và khoa học được tạo ra bởi một nhóm lớn và đa dạng gồm các bên liên quan thông qua một quy trình mở và minh bạch được ISEAL chấp thuận, nhằm giải quyết các tác động chính liên quan đến môi trường, xã hội và kinh tế. + Hiệu quả: Các tiêu chuẩn này được dành để đẩy mạnh sự thay đổi đối với nước: mục đích của các tiêu chuẩn này là giảm thiểu tác động môi trường và xã hội của việc nuôi trồng thủy sản thương mại bằng cách xác định các tác động chính. Việc cải tiến trang trại liên tục được khuyến khích. Chính phủ các nước được khuyến khích tập trung vào cùng những tác động chính thông qua các chính sách chiến lược và quy định. + Giá trị gia tăng: Nếu không có lợi nhuận, thị trường sẽ không thay đổi. Nhãn tiêu dùng này sẽ cho phép thị trường công nhận và tán thưởng việc sản xuất bền vững cá nuôi và do đó tạo ra một lực kéo.

Chi phí	5000 - 10.000USD/ lần	TT 48-BNNPTNT và Cơ quan chứng nhận	5000 - 10.000USD/ lần	5000 - 10.000USD/ lần

TIÊU CHUẨN	THỊ TRƯỜNG	TRỌNG TÂM	MỨC ĐỘ
GlobalGAP	Châu Âu	1. An toàn thực phẩm 2. Môi trường 3. Xã hội (người lao động)	Bắt buộc, chi tiết, phân thành các điểm kiểm soát
BAP/ACC	Anh, Hoa Kỳ	1. An toàn thực phẩm 2. Môi trường 3. Xã hội	Tương đối nghiêm ngặt hơn các quy định hiện có
ASC	Châu Âu, Hoa Kỳ, một số nơi khác	1. Môi trường 2. Xã hội 3. An toàn thực phẩm	Chủ yếu đánh giá dựa trên hoạt động thực tiễn

Nguồn: Như Văn Cần, Tổng cục thủy sản.

*** Thực trạng áp dụng các tiêu chuẩn tại một số địa phương đối với cá Tra**

TT	TỈNH	Diện tích áp dụng theo tiêu chuẩn (ha)					
		GlobalGAP	VietGAP	BAP	SQF	ASC	BMP
1	Đồng Tháp	214.2	2.11	11.33	6.9	246.46	35.49
2	An Giang	160			80	196.4	
3	Cần Thơ	54	4	5.5	70	25	15
4	Bến Tre					216.6	
5	Tiền Giang					10.3	
6	Trà Vinh					61.3	
7	Vĩnh Long					124	

Nguồn: Tài liệu tham khảo [3],[5],[6],[7],[10]

Như vậy, tính cho tới thời điểm hiện nay, tại 7 tỉnh trên tiêu chuẩn được áp dụng phổ biến nhất trong nuôi trồng thủy sản là Global GAP và ASC: Global GAP với tổng diện tích ước tính trên 428 ha cho 3 tỉnh Đồng Tháp, An Giang và Cần Thơ và tập trung chủ yếu vào các doanh nghiệp lớn như Vĩnh Hoàn, Hùng Cá, Docifish, Hoàng Long (Đồng Tháp), Việt An, Nam Việt (An Giang); ASC với tổng diện tích trên 7 tỉnh là 853.06 ha tập trung chủ yếu vào các doanh nghiệp lớn như Vĩnh Hoàn, Hoàng Long (Đồng Tháp), Hùng Vương, Việt An. Tại Đồng Tháp, tổng diện tích nuôi cá tra thương phẩm là 763,92 ha, trong đó diện tích đang áp dụng và được cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn là 246,46 ha đạt 32,26% (tính tới tháng 2/2014). Tại An Giang, tổng diện tích được chứng nhận đạt tiêu chuẩn quốc tế đạt 240 ha, với sản lượng 105.000 tấn/năm chiếm tỉ lệ khoảng 40% trên tổng sản lượng nguyên liệu xuất khẩu. Tại Cần Thơ, tổng diện tích nuôi cá tra thương phẩm trên địa bàn Cần Thơ là 871 ha. Trong đó diện tích đang áp dụng và được cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn (tiêu chuẩn quốc tế) là 139 ha, chiếm khoảng 16%.

*** Thực trạng áp dụng một số tiêu chuẩn với Tôm:**

TT	TỈNH	Diện tích áp dụng theo tiêu chuẩn (ha)					
		GlobalGAP	VietGAP	BAP	SQF	ASC	BMP
1	Đồng Tháp	214.2	2.11	11.33	6.9	50	35.49
2	Cần Thơ	54	4	5.5	70		15

Nguồn: Tài liệu tham khảo [3],[5],[6],[7],[10]

*** Xu hướng phát triển các tiêu chuẩn**

Nằm trong chiến lược phát triển ngành thủy sản bền vững và lâu dài, trong thời gian tới VietGAP sẽ là tiêu chuẩn được Bộ NN&PTNT khuyến khích các vùng nuôi áp dụng (sau này có

thể sẽ tiến tới bắt buộc) bởi về lâu dài, khi VietGAP khẳng định được sản phẩm đạt tiêu chuẩn chất lượng và được quốc tế công nhận thì hình ảnh con tôm, con cá tra Việt Nam sẽ có góc nhìn thiện cảm hơn và nhiều thị trường trên thế giới sẽ chấp nhận, xuất khẩu thuận lợi hơn. Bên cạnh đó là những chính sách hỗ trợ việc áp dụng Quy trình sản xuất nông nghiệp tốt trong nông, lâm và thủy sản theo Quyết định số 01/2012 - QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Do vậy, các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình sản xuất khi có đủ các điều kiện như: áp dụng VietGAP trong sản xuất, sơ chế sản phẩm, có hợp đồng tiêu thụ hoặc phương án tiêu thụ sản phẩm sẽ được ngân sách nhà nước đầu tư 100% kinh phí về điều tra cơ bản như: khảo sát địa hình, phân tích mẫu đất, mẫu nước, mẫu không khí, ...với mức hỗ trợ không quá 50% tổng vốn đầu tư cải tạo. Ngoài ra, VietGAP còn được hỗ trợ tiếp cận bảo hiểm nông nghiệp, tín dụng ngân hàng, xúc tiến thương mại v.v…

Đối với tiêu chuẩn ASC, tính tới tháng 2/2014 đã có 44 vùng nuôi cá tra tại Việt Nam đạt chứng nhận ASC với tổng diện tích khoảng 853.06 ha. Tuy nhiên đây mới chỉ là tiêu chuẩn được chấp nhận tại một số quốc gia Châu Âu, do vậy câu hỏi đặt ra là nếu ASC không thể thuyết phục được các nhà nhập khẩu ở các thị trường khó tính như Mỹ, Tây Ban Nha, Mexico, Brazil và một số quốc gia thông qua chứng nhận ASC thì mục tiêu đề ra tới năm 2014 đạt 30% và năm 2015 đạt 50% sản phẩm cá tra xuất khẩu đạt chứng nhận ASC sẽ khó thực hiện được ?

V. KẾT LUẬN VÀ ĐỀ XUẤT

* Kết luận

- Thủy sản Việt Nam đang phải đối mặt với hàng chục tiêu chuẩn kỹ thuật khác nhau từ các tổ chức phi chính phủ và các tổ chức quốc tế khác, Với nhiều tổ chức chứng nhận các tiêu chuẩn về chất lượng và giá trị sản phẩm, trong khi mỗi tiêu chuẩn chỉ có phạm vi công nhận trong một vài quốc gia, điều này đang trở thành gánh nặng cho ngành Thủy sản Việt Nam, nhất là trong bối cảnh đầu ra bấp bênh như hiện nay. Tính đến thời điểm hiện tại các tiêu chuẩn được áp dụng phổ biến là Global GAP, ASC, BAP/ACC và chủ yếu áp dụng với nuôi tôm và cá tra. Do chi phí nuôi thủy sản theo hướng chứng nhận khá tốn kém nên chỉ các Công ty mới đủ năng lực áp dụng ở các trại nuôi của Công ty hoặc các trại liên kết với các hộ dân. Phần lớn các hộ nuôi quy mô nhỏ lẻ chưa đủ điều kiện để áp dụng nuôi theo hướng chứng nhận.

- Việc tồn tại nhiều chứng nhận cũng là một xu thế tất yếu nhằm đáp ứng yêu cầu đa dạng của thị trường. Điều này còn chứng minh thức tế về các hệ thống (gồm cả văn bản) quản lý thủy sản (hoặc thực phẩm) của nước ta chưa đủ mạnh; chưa đủ độ tin cậy toàn diện để thuyết phục nhu cầu đa dạng của các thị trường nhập khẩu.

- Các văn bản của hệ thống quản lý Nhà nước về Thủy sản đối với chứng nhận nuôi trồng thủy sản đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm và NTTS bền vững hiện nay đang được phân tầng dưới

dạng, còn nhiều chồng chéo, chưa đầy đủ hoặc chưa phù hợp với điều kiện thực tế. Cũng chính vì lý do này mà việc quản lý nhà nước đối với các tiêu chuẩn còn lỏng lẻo và chưa đưa về một mối.

- Tiêu chuẩn VietGAP hiện đang được khuyến khích áp dụng tại các vùng nuôi, sau nay sẽ tiến tới bắt buộc, việc này về lâu dài sẽ giúp khẳng định được sản phẩm đạt tiêu chuẩn chất lượng và được quốc tế công nhận thì hình ảnh con tôm, con cá tra Việt Nam sẽ có góc nhìn thiện cảm hơn và nhiều thị trường trên thế giới sẽ chấp nhận, xuất khẩu thuận lợi hơn

- Xu thế chứng nhận GAP đang ngày càng phổ biến và là nhu cầu tất yếu xuất phát từ nhu cầu thị trường và quản lý sản xuất .

*** Đề xuất**

- Bộ Nông nghiệp và PTNT cần sớm chỉ đạo 5 đơn vị là Vụ Pháp chế, Trung tâm Kiểm nghiệm Khảo nghiệm, Nafiqad, Vụ NTTS, Cục Thú Y phối hợp với VASEP, VINAFIS rà soát, điều chỉnh, bổ sung hoàn thiện các văn bản QPPL về điều kiện vùng nuôi thủy sản theo hướng bền vững, các Qui chuẩn, TCVN về thủy sản bố mẹ, con giống, …

- Bộ Nông nghiệp và PTNT cần phối hợp với các bộ ngành liên quan (Bộ Công Thương, Bộ Ngoại giao, Bộ TT và Truyền thông, VCCI, VASEP, VINAFIS) quảng bá về VietGAp và xúc tiến việc thương lượng với các tổ chức quốc tế để VietGAP được quốc tế công nhận (benchmark).

- Bộ NN và PTNT và UBND các tỉnh cần đề xuất với Chính phủ ban hành các chính sách định hướng lớn để phát triển nuôi trồng thủy sản theo hướng có trách nhiệm chẳng hạn như thông qua áp dụng các tiêu chuẩn nuôi bền vững (GlobalGAP, ASC, BAP, VietGAP) và có cơ chế hỗ trợ cụ thể về vốn (ưu đãi lãi xuất), về kỹ thuật, về thông tin, và về đào tạo nâng cao năng lực. Bộ NN và PTNTN phải xây dựng cho được một Chương trình hay ít nhất một dự án riêng về nâng cao năng lực, nhận thức cho các cán bộ từ TW đến cơ sở, và đặc biệt cho các hộ nuôi, cơ sở nuôi nhỏ lẻ về việc thực hiện nuôi thủy sản theo chứng nhận.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1) Bureau Veritas, 2012. Các dịch vụ cho ngành thủy sản Việt Nam của Bureau Veritas về nuôi trồng thủy sản có trách nhiệm đối với sản phẩm tôm. Báo cáo Hội thảo tại Hà Nội, tháng 12 năm 2012

2) Lâm Thái Xuyên và Trương Hoàng Minh, 2012. Đánh giá một số Chứng nhận trong Nuôi trồng thủy sản ở Việt Nam. Luận văn Cao học. Đại học Cần Thơ.

3) Chi Cục Nuôi trồng Thủy sản Nghệ An, 2012. Báo cáo hiện trạng chứng nhận trong nuôi trồng thủy sản áp dụng ở Nghệ An (Do Trung tâm 3K cung cấp)

5) Chi Cục Nuôi trồng Thủy sản An Giang, 2012. Báo cáo hiện trạng chứng nhận trong nuôi trồng thủy sản áp dụng ở An Giang (Do Trung tâm 3K cung cấp)

6) Chi Cục Nuôi trồng Thủy sản Cần Thơ, 2012. Báo cáo hiện trạng chứng nhận trong nuôi trồng thủy sản áp dụng ở Cần Thơ (Do Trung tâm 3K cung cấp)

7) Chi Cục Nuôi trồng Thủy sản Đồng Tháp, 2012. Báo cáo hiện trạng chứng nhận trong nuôi trồng thủy sản áp dụng ở Đồng Tháp (Do Trung tâm 3K cung cấp)

8) Như Văn Cẩn, 2012, Giới thiệu chung về VietGap trong nuôi trồng thủy sản, Tổng cục thủy sản (D-FISH)

9) Le Doan Nguyen Khoi, 2011, Quality Management in the Pangasius Export Supply Chain in Vietnam, The Case of Small-Scale Pangasius Farming in the Mekong River Delta, University of Groningen Groningen The Netherlands.

10) http://www.asc-aqua.org/index.cfm?act=tekst.item&iid=4&iids=204&lng=1

11) ACC, 2011. Certified Farms.http://www.aquaculturecertification.org/index.php?option=com_content&task=view&id=121&Itemid=104.

12) QUACERT, 2010. GlobalGAP: tools for food safety management of agro-products http://www.quacert.gov.vn/news/vi/97/6/globalgap-cong-cu-quan-ly-de-co-san-pham-nong-nghiep-an-toan.aspx.

13) Nguyễn Văn Tư, 2010, Hiện trạng thủy sản Việt Nam

14) Tổng cục thống kê

15) Báo cáo ngành tôm Việt Nam năm 2012, xu hướng 2013. Hiệp hội Chế biến và xuất nhập khẩu thủy sản

16) Lê Thanh Lựu, Mai Thành Chung, Trịnh Quang Hiệu và Tạ Thu Trang , 2013, Đánh giá nhu cầu áp dụng tiêu chuẩn ASC cá tra/basa của người nuôi quy mô nhỏ, Trung tâm Hợp tác Quốc tế Nuôi trồng và Khai thác Thủy sản Bền vững